Công bố lần 4
Ngày 22 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KIỂM ĐỊNH STEC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 470/CB-STEC	*Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **Sở Xây dựng thành phố Hà Nội**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đên hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty CP Khoa học Công nghệ và Kiểm định STEC công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (TNCNXD)

a) Tên tổ chức hoạt động TNCNXD: Công ty CP Khoa học Công nghệ và Kiểm định STEC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 0111014784 cấp ngày 03/04/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp cấp.

Địa chỉ: Số 3, ngõ 34 phố Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0815113769

Email: stec@stecvn.vn

Website: https://www.stecvn.vn

b) Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm Thử nghiệm Vật liệu và Kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 86 ngõ 203 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0815113769

Email: info@stecvn.vn

Mã số Phòng thí nghiệm tại thời điểm công bố thông tin: LAS-XD HAN.001 (theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 39/GCN-SXD ngày 14/7/2025 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	**Kiểm tra kim loại, sản phẩm kim loại và mối hàn kim loại**			
1.	Phương pháp thử kéo vật liệu kim loại và mối hàn	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892-1) TCVN 314:2008 TCVN 9391:2012 TCVN 1916:1995 TCVN 1824:1993 TCVN 6288:1997 TCVN 6284-1:1997 TCVN 6368:1998 TCVN 7937-1:2013 (ISO 15630-1) TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2) TCVN 7937-3:2013 (ISO 15630-3) TCVN 4398:2001 (ISO 377) TCVN 8310:2010 (ISO 4136) TCVN 8311:2010 (ISO 5178) ASTM A370 ASTM F606/F606M ASTM B557 ASTM A615 ASTM A770 ASTM E8/E8M ASTM E290 ISO 898-1 ISO 2531 ISO 4162 BS 4449 EN 10002-1 GB/T 228.1 GB/T 3632 GB/T 3098.1 GB/T 1231 AS 1391 AS 2205.2.1 AS 1163 AS/NZS 4971 AS 4291.1 JSS II 09 JIS Z2241 JIS Z3121 JIS B1186 JIS B 1051 JIS B 1052-2 JIS G3444 JIS G3112	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN - Thước cặp, thước lá - Extensometer (đo biến dạng)	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
2.	Phương pháp thử uốn, thử cắt, bẻ vật liệu kim loại và mối hàn	ISO 7438:2020 TCVN 198:2008 (ISO 7438) TCVN 5891:2008 (ISO 8491) TCVN 5401:2010 (ISO 5173) TCVN 1826:2006 (ISO 7801) TCVN 6287:1997 (ISO 10065) TCVN 6288:1997 (ISO 10544) TCVN 1825:2008 (ISO 7802)	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN - Thước cặp, thước lá	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		TCVN 7937-1:2013 (ISO 15630-1) TCVN 7937-2:2013 (ISO 15630-2) TCVN 7937-3:2013 (ISO 15630-3) TCVN 9391:2012 BS 1387 BS 4449 BS EN 14587-2 BS EN 14730-1 EN 10255 ISO 9016 ISO 9017 JIS Z3040 JIS Z3122 JIS G3112 JIS Z 2248 JIS G3452 JIS G3459 JIS G 3444 GB/T 232 ASTM A370 ASTM A500 ASTM A53 ASTM A501 ASTM A1064 ASTM E290 AS 2505.1; AS 2505.2 AS/NZS 4971 AS 2205.3 AWS D1.1; D1.2; D1.3; D1.4; D1.5; D1.6 AWS B4.0 ASME BVP Code section IX API 5L ASTM E399		
3.	Phương pháp thử độ cứng vật liệu kim loại, mối hàn	TCVN 256-1:2006 (ISO 6506-1) TCVN 257-1:2007 (ISO 6508-1) TCVN 258-1:2007 (ISO 6507-1) ISO 9015-1 BS EN 14730-1 BS EN 1043-1 BS EN 14587-2 ASTM E10 ASTM E18 ASTM E384 ASTM E92 ASTM A956/A956M ASTM A480/A480M ASTM E2546 AWS B4.0 AS 1815.1 AS 1816.1 AS 1817.1 AS/NZS 2205.3.1 AS 2205.6.1 JIS Z2243-1; Z2244-1; Z2245	- Máy đo độ cứng HR-150A - Máy đo độ cứng HV-5 - Máy đo độ cứng HV-10	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân Trần Huy Nam

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		GB/T 230.1; GB/T 231.1 GB/T 4340.1 GB/T 3098.1 GB/T 3098.2 GB/T 3098.5		
4.	Phương pháp thử độ dai va đập vật liệu kim loại, mối hàn	TCVN 312-1:2007 TCVN 5402:1991 (ISO 9016) EN 10045-1 ASTM A370 ASTM E23 JIS Z2242 JIS Z 2248 JIS Z3128 AS 2205.7.1 AS 1544.2 ISO 148-1 ISO 9016 GB/T 229	- Máy thử độ dai va đập - Thước cặp - Nhiệt kế đo nhiệt độ	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân Trần Huy Nam
5.	Đo kích thước hình học	TCVN 12681:2019 TCVN 7573:2006 TCVN 10351:2014 (ISO 7452) TCVN 7571-1:2019 (ISO 657-1) TCVN 7937-1; 2; 3:2013 (ISO 15630-1; 2; 3:2019) ASTM A6/A6M-21 ASTM A53 ASTM A554 ASTM A500 ASTM A240 ASTM A312 ASTM A778 ASTM A370 BS EN 10255 JIS G3444 JIS G3466 JIS G3192 GB/T 3103.1 GB/T 3103.3 ST.226-1:2026 (Phương pháp thử nghiệm nội bộ) TCTN 02-26 (Phương pháp thử nghiệm nội bộ) TCTN 04-26 (Phương pháp thử nghiệm nội bộ)	Thước cặp Panme Thước lá	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Trần Huy Nam
6.	Kiểm tra tổ chức thô đại (Marco)	TCVN 7507:2016 (EN 970) ISO 9017 ISO 17639 ISO 13920 BS EN 14587-2:2009 BS EN 14730-1:2006 + A1:2010 ASME BVP Code section IX AWS D1.1; D 1.2; D 1.3; D1.5; D 1.6 AWS B4.0 ASTM E340 JIS G0553	- Dung dịch ăn mòn - Máy mài mẫu - Máy ảnh - Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Trần Huy Nam

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM E3-11 AS/NZS 2205.5.1 AS 3978		
7.	Kiểm tra tổ chức tế vi	GB/T 224 GB/T 13298 TCVN 5052-1:2009 TCVN 5345:1991 TCVN 3902:1984 ISO 945 ISO 643 ISO 17639 ASTM E3 ASTM E407 ASTM E562 ASTM E112 GB/T 13298 JIS G0551	- Máy mài mẫu - TB kính hiển vi - Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Trần Huy Nam
8.	Thành phần hóa thép không gỉ	ASTM E1086 JIS G1253	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
9.	Thành phần hóa của thép hợp kim thấp	TCVN 8998:2018 ASTM E415 JIS G1253	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
10.	Thành phần hóa của nhôm	ASTM E1251 JIS G0320 JIS G 1253	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
11.	Thành phần hóa của đồng	BS EN 15079	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
12.	Thành phần hóa của kẽm	ISO 3815-1	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
13.	Thành phần hóa của gang	ASTM E 1999 ASTM E1019 JIS G 1253	- Máy phân tích thành phần hoá - Máy mài mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
14.	Kiểm tra lớp khử cacbon, Xác định chiều sâu thấm cacbon, xác định chiều sâu thoát cacbon	GB/T 224 JIS G0557 JIS G0558 TCVN 5747:2008 (ISO 2639) TCVN 4507:2008 (ISO 3887)	- Máy mài mẫu - Dung dịch ăn mòn - TB kính hiển vi - Máy đo độ cứng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
15.	Xác định lực siết, cắt bu lông	ISO 16047 JSS II-09 GB/T 3632 ASTM F606/606M	- Cờ lê lực - Máy kéo nén 1000kN	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
16.	Thử lực căng bu lông	JSS II-09 GB/T 3632 ISO 16047	- Thiết bị tạo lực - Đồ gá - Loadcell - Cờ lê lực	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
17.	Thử tải đai ốc	TCVN 1916:1995 ISO 898-2 GB/T 3098.2 ASTM F606:2024 JIS B 1052-2:2014	- Máy kéo nén vạn năng - Đồ gá thử tải	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
18.	Thử nén bẹp vật liệu kim loại	TCVN 1830:2008 (ISO 8492) BS 1387 EN 10255 ASTM A370 ASTM A999 ASTM A370 ASTM A500 ASTM A53 ASTM A501 JIS G3452 JIS G3459 JIS G3444 JIS Z2248 JIS A5525 JIS A5530 AS 2505.3	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
19.	Thử mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-1:2023 (ISO 15835-1) TCVN 13711-2:2023 (ISO 15835-2) ISO 15630-1 ISO 6892-1	- Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
20.	Phương pháp xác định kích thước hình học, khả năng chịu tải, cơ lý cho máng cáp điện	TCVN 10688:2015 (IEC 61537)	- Thước kẹp điện tử - Thước lá - khung thử tải - Đồng hồ đo độ võng - Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
21.	Thử áp lực	TCVN 1832:2008 TCVN 9441:2013 (ISO 5208) TCVN 7972:2008 (ISO 10802) ASTM E2930 ASTM A999/A999M	- Thiết bị đo áp lực đường ống	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
II	**Kiểm tra không phá hủy mối hàn và vật liệu kim loại**			
22.	Phương pháp kiểm tra siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018 (ISO 17640) ASTM E164 AWS D1.1; D1.2; D1.5; D1.6 ASME V-Article 4 JIS Z3060 JIS G 0584 AS 2207 BS EN 14730-1:2006+A1:2010 BS EN 14587-3:2012 EN ISO 11666:2018 EN 583-1:1998/A1:2003 EN 583-2:2001 EN 25817-93 ASTM A388:2015 ASTM A435:2017 ASTM A609-12 (2018)	Máy siêu âm mối hàn	Hà Quang Lương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
23.	Phương pháp từ tính/bột từ (MT)	TCVN 4396:2018 (ISO 9934) TCVN 11759:2016 (ISO 17638) ASTM E709 ASTM E1444 ASME Section V – Article 7 AS 1171 BS EN ISO 23278:2015 EN 571-1:2008 ASTM E1417:2021	Gông từ Bộ hoá chất thử từ tính Đèn pin	Hà Quang Lương Nguyễn Minh Quân
24.	Phương pháp kiểm tra thẩm thấu chất lỏng (PT)	TCVN 4617-1:2018 (ISO 3452-1) ASTM E1417 ASTM E165 ASME Section V, Article 6 JIS Z2343 AS 2062 BS EN ISO 23277:2015 BS EN ISO 17635:2016 ASTM E1444:2021 AS 1171-1998 (R2022)	Hoá chất thử thẩm thấu Đèn pin	Hà Quang Lương
25.	Kiểm tra ngoại quan (VT)	TCVN 7507:2016 BS EN ISO 17637 AWS D1.1; D1.3; D1.5; D1.6 ASME BVP Code section IX ASME BPVC.V, Article 9 AWS B11.1 AS 3978	- Đèn chiếu sáng chuyên dụng - Panme - Thước lá	Hà Quang Lương
26.	Đo chiều dày vật liệu bằng phương pháp siêu âm	ASTM E797 ISO 16809	- Máy siêu âm mối hàn - Máy đo chiều dày vật liệu	Hà Quang Lương
III	**Thử nghiệm Sơn, veccni và lớp phủ bảo vệ**			
27.	Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 4392:1986 TCVN 9760:2013 TCVN 5878:2007 (ISO 2178) TCVN 5408:2007 (ISO 1460) ISO 2808:2019 ASTM E376 ASTM B244 ASTM A90/A90M ASTM B487 ASTM A123 ASTM D5796-20 JIS H8501 JIS H0401 JIS H8680 JIS H8681 JIS H8602 AS 2331.1.3 AS 2331.1.1: 2001 (R2017)	Máy đo chiều dày lớp phủ	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
28.	Xác định khối lượng lớp phủ, lớp mạ	TCVN 7665:2007 (ISO 1460) TCVN 4392:1986 ISO 1461:2022 EN10244-2 ASTM A90/A90M JIS H0401 AS 2331.2.1-2001 R2017	- Cân phân tích -Dung dịch tẩy lớp mạ - Máy đo chiều dày lớp phủ	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
29.	Độ bám dính của lớp phủ	TCVN 2097:2015 TCVN 4392:1986 TCVN 5408:2007 ASTM D2197 ASTM D3359 ASTM B498 ASTM A153-16 ASTM D6677 ASTM A123 JIS K5600 AS 1580.408.4:2004 (R2019) JIS K5400	- Dao cắt ô - Băng keo thử nghiệm - Kính lúp / kính phóng đại	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
30.	Xác định độ bám dính lớp phủ bằng phương pháp kéo nhổ	TCVN 12816-1:2019 TCVN 10267:2014 TCVN 9349:2012 ASTM C1042 ASTM C1404 ASTM C1583 ASTM D4541 BS EN 14891 ISO 4624 JIS A6909	- Máy đo độ bám dính - Đầu kéo - Keo dán dolly - Thiết bị cắt quanh dolly - Dung môi làm sạch - Thiết bị thử nhổ sơn	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
31.	Xác định độ cứng bút chì	ISO 2409 ISO 1461 ISO 15184 ASTM D3363 JIS K5400 JIS K5600 TCVN 2098:2007	- Bộ bút chì chuẩn - Giá đỡ bút chì	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
32.	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016 ASTM D2457 ASTM D253	Máy đo độ bóng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
33.	Xác định độ bền va đập màng sơn	TCVN 2100-1:2013 (ISO 6272-1) TCVN 2100-2:2013 (ISO 6272-2) TCVN 12574:2018 ASTM D2794 ASTM D2939 BS 3900 E7 JIS K5600-5-3 JIS K5400	- Máy thử va đập - Quả rơi - Đế gá mẫu - Thước đo chiều cao rơi	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
34.	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099:2013 TCVN 11606:2016 TCVN 11416:2016 ISO 6860 ASTM D2794 ASTM D2939 ASTM D522 BS 3900 E11 JIS K 5600-5-1 JIS K5400	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
35.	Phương pháp thử độ sâu ấn lõm	TCVN 10671:2015	- Máy đo độ cứng Vickers - Máy đo độ cứng Brinell	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
36.	Thử ăn mòn bằng phương pháp phun sương muối	TCVN 8792:2011 TCVN 12640:2021 (ISO 9227) ASTM B117-19 ASTM B368 JIS Z2371:2020 AS 2331.3.1:2001 (R2017) AS 2331.3.2:2001 (R2017) AS 2331.3.3:2001 (R2017)	- Buồng thử phun sương muối -Hệ thống phun dung dịch muối	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
37.	Màu sắc	TCVN 10832:2015 ASTM D6628	- Máy đo màu - Máy quang phổ màu - Tủ đèn so màu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
38.	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9760:2013 (ISO 2808) TCVN 9406:2012 ASTM D1186 ASTM D1400 ASTM D4138 ASTM D7091 JIS H0401	- Máy đo chiều dày lớp phủ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
39.	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa	TCVN 8653-1:2024 JIS K5600-1-1 JIS K5400	- Que khuấy / máy khuấy - Cốc đo độ nhớt - Que thử / tấm kính	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
40.	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024 ASTM D870 JIS K5400 JIS K5600-6-1	- Bể ngâm/ bể thử - Thiết bị kiểm soát nhiệt độ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
41.	Xác định độ chịu dầu và độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8786:2018 TCVN 9014:2011 TCVN 8787:2018 TCVN 8653-3:2024	- Bể ngâm - Dung dịch thử	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
42.	Xác định độ bền với chất lỏng	TCVN 10517-5:2014 ASTM D1308 ASTM D2248 ASTM D5402	- Bể ngâm - Dung dịch thử	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
43.	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh màng sơn	TCVN 8653-5:2024 JIS K5400 K5600-7-4	- Buồng thử nhiệt	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
44.	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013 ASTM D562 ASTM D1200 ASTM D2393 JIS K5400	- Phễu đo độ nhớt - Đồng hồ bấm giờ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
45.	Xác định độ nhớt KU bằng nhớt kế Stormer	TCVN 9879:2013 TCVN 8787:2018	- Nhớt kế Stormer - Cốc chứa mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
46.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015 JIS K5400 TCVN 5730:2020 TCVN 9014:2011	- Thiết bị xác định độ mịn sơn	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
47.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993 JIS K5400	- Tấm nền chuẩn - Dụng cụ kéo màng - Máy đo màu / độ tương phản	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
48.	Xác định độ bền nhiệt ẩm	TCVN 9405:2012 ASTM D2247	- Buồng thử nhiệt -Thiết bị kiểm soát	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM D 4585 ASTM D 6944	nhiệt độ & độ ẩm	
49.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2020	- Tủ sấy -Thiết bị kiểm soát nhiệt độ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
50.	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096-1:2015 JIS K5400 TCVN 2096-3:2015 JIS K5600-3-2 TCVN 2096-4:2015 ASTM D1640 TCVN 2096-6:2015	- Máy đo thời gian khô - Đồng hồ bấm giờ - Kim thử / que thử độ khô	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
51.	Xác định độ cứng màng sơn	TCVN 2098:2007 ASTM D4366	Thiết bị đo độ cứng màng sơn bằng bút chì	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
52.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237-1:2014 (ISO 2811-1) ASTM D1475 JIS K5400	- Tỷ trọng kế - Cân - Nhiệt kế	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
53.	Xác định hàm lượng chất bay hơi và chất hữu cơ không bay hơi	TCVN 10519:2023 TCVN 10369:2014 ASTM D3960 TCVN 10370-2:2014 ASTM D2832 ASTM D1644 ASTM D2369	- Cân phân tích - Tủ sấy - Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
IV	**Dây điện, cáp điện, vật tư phụ kiện điện**			
54.	Đo kích thước vỏ và ruột dẫn	TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227) TCVN 6612:2007 (IEC 60228) TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1)	- Thước kẹp điện tử - Panme - Dao bóc vỏ / dụng cụ tuốt dây	Nguyễn Văn Tuấn
55.	Độ bền kéo và độ giãn dài khi đứt của lớp vỏ bọc PVC và lớp cách điện XLPE trước và sau lão hóa và lực kéo đứt của ruột dẫn	TCVN 6612:2007 (IEC 60228) TCVN 12227:2018 (IEC 62067) TCVN 6614-1-4: 2008 (IEC 60811-1-4)	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN - Ngàm kẹp mẫu - Tủ nhiệt	Nguyễn Văn Tuấn
56.	Điện trở cách điện, điện trở của ruột dẫn và điện trở một chiều	TCVN 6612:2007 (IEC 60228) TCVN 12227:2018 (IEC 62067) TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227)	- Máy đo điện trở cách điện - Máy đo điện trở thấp	Nguyễn Văn Tuấn
57.	Độ bền kéo	TCVN 6483:1999 (IEC 61089) TCVN 8090:2009 (IEC 62219)	- Máy kéo nén 1000kN - Máy kéo nén 100kN	Nguyễn Văn Tuấn
V	**Thí nghiệm, thử tải cấu kiện và kết cấu công trình**			
58.	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn	TCVN 9347:2012	- Hệ thống gia tải - Kích thủy lực - đồng hồ so	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
59.	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012 ASTM E529 ASTM E455	- Kích thủy lực - Đồng hồ so	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
60.	Thử độ bền của tấm Panel	ASTM E72 TCVN 7575-1:2017 TCVN 7575-2:2017	- Hệ khung thử tải - Kích thủy lực - đồng hồ so -Đồng hồ đo chuyển vị	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
61.	Thí nghiệm thử tải khung trần treo	TCVN 12694:2022 ASTM E309/E309M ASTM C 635M BS EN 13964	- Khung/giàn thử tải - Kích thủy lực - đồng hồ so	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
62.	Thí nghiệm kiểm tra khả năng chịu tải của nắp ga cống, song chắn rác và giếng thăm	BS EN 124 TCVN 10333:2014 ASTM C497M	- Máy kéo nén 1000kN - Kích thủy lực - đồng hồ so	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
63.	Thí nghiệm kiểm tra thép cáp	ASTM A416/A416M	- Máy kéo nén vạn năng - Ngàm kẹp cáp	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
64.	Thí nghiệm cường độ của neo liên kết trong bê tông và khối xây	TCVN 9490:2012 ASTM C900 ASTM E488 BS 8539	- Kích thủy lực	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
65.	Thử tải giàn giáo	TCVN 6052:1995 ANSI/SSFI SC 100 5/05	- Tải trọng thử - Đồng hồ so	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
66.	Thí nghiệm nén tĩnh cọc tại hiện trường	TCVN 9393:2012	- Kích thủy lực - Đồng hồ so - Tải chất	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
67.	Thử đo điện trở hệ thống chống sét, hệ thống điện	TCVN 9385:2012 (BS 6651)	- Máy đo điện trở đất - Cọc phụ + dây đo - Thiết bị đo điện trở cách điện	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
68.	Thử khả năng chịu uốn của ống gang thoát nước	AASHTO M105	- Máy kéo nén vạn năng - Gối đỡ / con lăn	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
69.	Độ bền uốn của tấm nhựa gia cường	ASTM D790	- Máy kéo nén 1000kN - Gối đỡ / con lăn	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
70.	Độ bền bóc tách của nhựa liên kết keo dính	ASTM D903	- Máy kéo nén - Ngàm kẹp mẫu - Đồ gá	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
71.	Xác định lực đóng của cửa sổ và cửa đi	TCVN 7452-5:2004	- Khung gá -Thiết bị đo lực - Thước đo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
72.	Kiểm tra xác định liên kết cơ khí	TCTN 04-26 (Phương pháp thử nghiệm nội bộ)	- Máy kéo nén - Đồ gá	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
VI	**Thí nghiệm vật liệu kính**			
73.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 7219:2018 TCVN 7229:2005 TCVN 7527:05 TCVN 7364-5 :2018 TCVN 7364-6 :2018 EN 1096-1 TCVN 8260:2009 TCVN 8048:2009	- Thước lá kim loại - Thước cặp điện tử	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân
74.	Hoàn thiện cạnh	TCVN 7364-5:04	- Máy mài mẫu - Dao vát cạnh	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
75.	Độ cong vênh	TCVN 7219	- Thước lá - thước đo khe hở	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
76.	Độ bền chịu nhiệt, chịu ẩm	TCVN 7364-4: 2018 (ISO 12543-4)	- Tủ ẩm - Tủ sấy - Cân kỹ thuật	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
77.	Xác định điểm sương	TCVN 8260:2009	- Nhiệt kế đo nhiệt độ - Bình đựng dung môi hữu cơ	Phan Đăng Dũng Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
78.	Thử độ bền nước	TCVN 7529:2005 TCVN 1046:2004 (ISO 719)	- Nồi hấp tiệt trùng - Cân phân tích - buret, cốc mỏ, bình định mức	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
79.	Thử độ bền axit, kiềm	TCVN 7528:2005	- Kính ép - Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Pipet và cốc thủy tinh - Thước xám - Hóa chất thử - Vải trắng đối chứng	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
80.	Thử độ bền va đập bi rơi	TCVN 7368:2013	- Khung thử va đập bi rơi - bi thép	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân
81.	Thử độ bền va đập con lắc	TCVN 7368:2013	- Khung thử va đập con lắc	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân
VII	**Sản phẩm sứ vệ sinh - Chậu rửa**			
82.	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 12648:2020	- Kích thủy lực	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
83.	Kiểm tra khả năng thoát nước	TCVN 12648:2020	- Dụng cụ đo thời gian - Dụng cụ cấp nước	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
84.	Xác định khả năng làm sạch	TCVN 12648:2020	- Dụng cụ chứa	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
85.	Xác định bảo vệ chống tràn	TCVN 12648:2020	- Phễu chảy - Giá đỡ phễu	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
VIII	**Sản phẩm sứ vệ sinh - Bệ xí bệt**			
86.	Xác định tải trọng tĩnh	TCVN 12649:2020	- Kích thuỷ lực - Bộ phận đặt tải - Bệ đỡ/Giá đỡ	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
87.	Kiểm tra đặc tính xả	TCVN 12649:2020	- Két nước xả - Giấy vệ sinh - Bi nhựa/Vật thể mô phỏng - Hệ thống cấp nước - Giá đỡ	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
IX	**Sản phẩm sứ vệ sinh - Bồn tiểu nam treo tường**			
88.	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 12651:2020	- Khung thử nghiệm cố định - Kích thuỷ lực	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
89.	Kiểm tra đặc tính xả	TCVN 12651:2020	- Bộ gá lắp đặt bồn tiểu - Thùng chứa/Cân - Đồng hồ bấm giây - Hệ thống cấp nước	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
90.	Xác định độ sâu của nước bịt kín	TCVN 12651:2020	- Thiết bị cung cấp nước - Khăn lau, bàn chải - Khung thử	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
X	**Sản phẩm sứ vệ sinh - Bồn tiểu nữ**			
91.	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 12652:2020	- Khung thử nghiệm - Thiết bị tạo tải - Dụng cụ đo lường	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
92.	Kiểm tra khả năng làm sạch	TCVN 12652:2020	- Dụng cụ làm sạch - Dụng cụ chứa	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
93.	Xác định bảo vệ chống tràn	TCVN 12652:2020	- Hệ thống cấp nước - Dụng cụ bịt kín (nút xả)	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
XI	**Thí nghiệm chất xảm khe**			
94.	Thử xác định các tính năng về kéo dính của Silicon	ASTM C1135 ASTM C1382 ASTM C1635	- Máy kéo nén vạn năng - Thanh vật liệu nền - Tủ sấy - Thước đo/Thước kẹp - Súng bơm keo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
95.	Độ chảy cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-1:2009	- Súng xảm mạch - Khuôn thử độ chảy - Thước đo - Dụng cụ làm phẳng bề mặt - Tủ sấy	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
96.	Khả năng đùn chảy cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-2:2009	- Súng bơm keo - Vòi bơm - Cân kỹ thuật - Đồng hồ bấm giờ - Tủ dưỡng mẫu - Dao cắt, thước, và cốc chứa keo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
97.	Độ cứng Shore A cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-3:2009	- Máy đo độ cứng Shore A - Khuôn đúc mẫu - Dao cắt mẫu - Dụng cụ trộn/Đũa gỗ - Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thước đo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
98.	Ảnh hưởng lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng, tạo vết nứt, phân hóa cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-4:2009	- Tủ sấy - Cân phân tích - Khuôn mẫu - dao gạt, khuôn tạo hình. - Kính lúp	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
99.	Thời gian không dính bề mặt cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-5:2009	- Tấm nền phẳng - Thước gạt mẫu - tủ thử nghiệm - Đồng hồ bấm giờ - Súng bắn keo - Dao cắt	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn
100.	Cường độ bám dính cho Silicon xảm khe	TCVN 8267-6:2009	- Máy kéo nén vạn năng - Mẫu nền - Dụng cụ tạo khuôn - Dụng cụ xảm - Tủ sấy - Cân kỹ thuật, dung dịch vệ sinh kính	Phan Đăng Dũng Nguyễn Văn Tuấn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
XIII	**Thí nghiệm tấm thạch cao, Panel thạch cao cốt sợi, vật liệu chống cháy**			
101.	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh.	TCVN 8257-1:2023	- Thước lá - Panme - Thước đo góc vuông - Thiết bị/Bộ gá đo độ sâu gờ vuốt thon	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
102.	Thử tải khung trần	TCVN 12694:2020; ASTM C635/C635M-22, |ASTM E3090/E3090M-22	- Khung treo tải - Thiết bị gia tải và đồng hồ đo biến dạng	Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
103.	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2023	- Máy kéo nén vạn năng - Thanh thử (Đầu nén) - Đồ gá - Thiết bị cắt mẫu - Thước kẹp, Thước đo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
104.	Tấm xốp cách nhiệt: kích thước, khối lượng riêng |biểu kiến, độ bền kéo, độ bền nén, độ bền uốn	ASTM C302 ASTM C303 ASTM D1622 ASTM D1623 ASTM D1621	- Thước đo chiều dài - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Máy kéo nén 100kN	Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
105.	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	- Máy kéo nén vạn năng - Bộ phận gia tải - Thước kẹp, Thước đo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
106.	Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-4:2023	- Máy kéo nén vạn năng - Đinh thử - Thước kẹp, Thước đo	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
107.	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023	- Tủ sấy - Thước kẹp, Thước đo - Buồng dưỡng ẩm - Cân kỹ thuật	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
108.	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	- Tủ sấy - Thước kẹp, Thước đo - Cân kỹ thuật - Bể ngâm mẫu	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
109.	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023	- Tủ sấy - máy đo độ ẩm và nhiệt độ môi trường - Cân kỹ thuật - Đồng hồ bấm giờ - Nước cất hoặc nước đã khử ion	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
110.	Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2023	- Buồng ẩm - Cốc thử nghiệm - Cân kỹ thuật -Thước đo/Dụng cụ cắt mẫu	Phan Đăng Dũng Nguyễn Minh Quân Nguyễn Văn Tuấn
111.	Xác định khối lượng bông thủy tinh	TCTN 03-26 (Phương pháp thử nghiệm nội bộ)	- Cân kỹ thuật -Thước đo/Dụng cụ cắt mẫu	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
XIV	**Thí nghiệm gỗ công nghiệp, ván gỗ nhân tạo**			
112.	Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh	TCVN 11904:2017 (ISO 9426) BS EN 324	- Thước đo - Thước cặp - Panme - Thước góc	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
113.	Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017 (ISO 16979) BS EN 322	- Tủ sấy - Cân phân tích	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
114.	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017 (ISO 16981) BS EN 311	- Máy kéo nén vạn năng - Keo dán - Thước đo - Thước cặp	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
115.	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 11907:2017 (ISO 27528) BS EN 320	- Máy kéo nén vạn năng - Đinh vít tiêu chuẩn - Máy khoan - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
116.	Xác định độ bền ẩm	TCVN 10312:2015 (ISO 16987) TCVN 10313:2015 (ISO 16998)	- Bể ngâm - Tủ sấy - Cân kỹ thuật	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
117.	Xác định độ trương nở chiều dày khi ngâm nước	TCVN 12445:2018 (ISO 16983) TCVN 11950:2018 (ISO 24336) BS EN 317	- Bể ngâm - Panme - Cân kỹ thuật	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
118.	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018 (ISO 16984) BS EN 319	- Máy kéo nén vạn năng - Keo dán - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
119.	Xác định môđun đàn hồi, độ bền uốn khi uốn tĩnh	TCVN 12446:2018 (ISO 16978) BS EN 310	- Máy kéo nén vạn năng - Gối đỡ mẫu - Đồng hồ so - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
XV	**Thí nghiệm gỗ, ván gỗ nhiều lớp**			
120.	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	BS EN 314-1:2004 ASTM D906 TCVN 10572-1:2014 (ISO 10033-1)	- Tủ sấy - Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XVI	**Thử nghiệm vật liệu gỗ tự nhiên**			
121.	Xác định số vòng năm	TCVN 8045:2009	- Kính hiển vi - Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
122.	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009	- Cân kỹ thuật - Thước cặp/Thước đo - Tủ sấy	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
123.	Xác định độ bền tách	TCVN 8047:2009	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
124.	Xác định độ ẩm cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-1:2023 (ISO 13061-1)	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
125.	Xác định khối lượng riêng cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-2:2023 (ISO 13061-2)	- Cân kỹ thuật - Thước cặp/Thước đo - Tủ sấy	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
126.	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023 (ISO 13061-3)	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
127.	Xác định môđun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 13707-4:2023 (ISO 13061-4)	- Thước cặp/Thước đo - Máy kéo nén vạn năng - Đồng hồ đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
128.	Xác định độ bền nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023 (ISO 13061-5)	- Thước cặp/Thước đo - Máy kéo nén vạn năng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
129.	Xác định độ bền kéo song song với thớ	TCVN 13707-6:2023 (ISO 13061-6)	- Thước cặp/Thước đo - Máy kéo nén vạn năng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
130.	Xác định độ bền kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023 (ISO 13061-7)	- Thước cặp/Thước đo - Máy kéo nén vạn năng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
131.	Xác định độ bền cắt song song với thớ	TCVN 13707-8:2023 (ISO 13061-8)	- Thước cặp/Thước đo - Máy kéo nén vạn năng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
132.	Xác định độ cứng va đập	TCVN 13707-11:2023 (ISO 13061-11)	- Máy thử va đập - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
133.	Xác định độ cứng tĩnh	TCVN 13707-12:2023 (ISO 13061-12)	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo - Đầu đo độ cứng	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
134.	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13:2023 (ISO 13061-13)	- Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
135.	Xác định độ co rút thể tích	TCVN 13707-14:2023 (ISO 13061-14)	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
136.	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-15:2023 (ISO 13061-15)	- Cân kỹ thuật - Thước cặp/Thước đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
137.	Xác định độ giãn nở thể tích	TCVN 13707-16:2023 (ISO 13061-16)	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thiết bị ngâm mẫu - Thiết bị đo thể tích	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
138.	Xác định độ bền nén song song với thớ	TCVN 13707-17:2023 (ISO 13061-17)	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo - Đồng hồ đo	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XVII	**Thí nghiệm tấm xi măng sợi**			
139.	Xác định kích thước cơ bản	ASTM C1185 TCVN 8259-1:2009	- Thước cặp - Thước dài - Thước góc vuông - thước thẳng dài	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
140.	Xác định cường độ chịu uốn	ASTM C1185 TCVN 8259-2:2009	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo - Thiết bị đo độ võng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
141.	Xác định khối lượng thể tích	ASTM C1185 TCVN 8259-3:2009	- Cân phân tích - Tủ sấy - Thước cặp/Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
142.	Xác định độ co giãn ẩm	ASTM C1185 TCVN 8259-4:2009	- Buồng dưỡng mẫu - Thước cặp/Thước đo - Cân phân tích	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
143.	Xác định bền chu kỳ nóng lạnh	ASTM C1185 TCVN 8259-5:2009	- Bể ngâm - Tủ sấy - Tủ đông - Thước cặp/Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
144.	Xác định khả năng chống thấm nước	ASTM C1185 TCVN 8259-6:2009	- vật liệu làm kín - Thước đo - Cân phân tích - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
XVIII	**Thử nghiệm xi măng**			
145.	Xác định độ min, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605: 2023 ASTM C184 ASTM C188 ASTM C204 BS EN 196-6:2018	- Sàng - Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả,…	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
146.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 4031:1985 ASTM C109 ASTM C187 ASTM C191 BS EN 196-3:2016	- Dụng cụ Vicat, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ, máy trộn, khuôn Le chatelier.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
147.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109/C109M-24 ASTM C348 - 21 ASTM C349-24 BS EN 196-1:2016	- Máy trộn - Máy dằn tạo mẫu - Máy thử độ bền uốn, máy thử độ bền nén, gá định vị thử uốn	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
148.	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2020 ASTM C452	- Khuôn tạo mẫu - Máy dằn tạo mẫu - Dụng cụ trộn - Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
149.	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713:2013 ASTM C1012	- Khuôn mẫu lăng trụ - Máy dằn - Tủ dưỡng ẩm - Thước cặp/Thước đo - Bể ngâm - Dung dịch Sunfat	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XIX	**Thí nghiệm vữa xây dựng**			
150.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022 EN 1015	- Bộ sàng tiêu chuẩn - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Khay đựng mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
151.	Xác định độ lưu động của vữa	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437-07 EN 1015-3 EN 1015-4	- Bộ bàn dằn - Côn dập khuôn - Thước cặp/Thước đo - Bay thép, chậu trộn, thước gạt - Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
152.	Xác định khối lượng thể tích của vữa	TCVN 3121-6:2022 EN 445 EN 1015-6	- Cân kỹ thuật - Bình chứa - Bộ phận đầm vữa/Bàn chấn - Thước gạt - Bay trộn, khay chứa mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
153.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:2022 ASTM C807-08	- Máy trộn - Bộ dụng cụ Vicat - Khuôn hình nón - Tấm nền - Dụng cụ láng/bay - Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
154.	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022 EN1015-10	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thước kẹp - Parafin và dụng cụ đun nóng - Bình hút ẩm, khay chứa mẫu, găng tay, dao cắt	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
155.	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109 EN 445 EN 1015-11	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước đo - Cân kỹ thuật - Khuôn đúc mẫu - Chày đầm mẫu - Dao gạt/Bay trộn	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
156.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn với nền	TCVN 3121-12:2022 ASTM C1583 EN 1015-12	- Vòng hình nón cụt - Tấm đầu kéo bám dính - Máy kéo nén vạn năng - Keo gắn - Tủ dưỡng hộ - Thước kẹp, dầu bôi trơn, bay trộn	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
157.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1403	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Bình hút ẩm - Bể ngâm mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
158.	Xác định độ tách nước, chảy, Xác định sự thay đổi chiều dài vữa đã đóng rắn (độ co, nở)	TCVN 9204:2012 ASTM C940; ASTM C939; ASTM C827 EN 445	- Ống trụ - Tấm đáy - Thước lá - Dụng cụ vệ sinh, gạt vữa - Cân kỹ thuật - Khuôn mẫu - Đồng hồ đo - Tủ dưỡng hộ - Máy trộn vữa	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XX	**Thí nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng**			
159.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143 AASHTO T119 EN 12350-2 JIS A1101	- Côn Abrams - Thanh đầm - Tấm nền - Thước đo - Xẻng nhỏ, bay trộn, thước gạt, bàn chải làm sạch, găng tay	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
160.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 ASTM C138 12 AASHTO T121 EN 12350-6 JIS A1116	- Thùng đong mẫu - Thiết bị đầm - Cân kỹ thuật - Thước lá - Xẻng, bay thép	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
161.	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/C232M AASHTO T158 EN 12350-4 JIS A1123	- Thùng chứa - Bàn rung - Thanh thép đầm - Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thước lá - Sàng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
162.	Xác định khối lượng riêng, độ hút nước của bê tông	TCVN 3112:2022 TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Bình hút ẩm - Dầu hỏa hoặc cồn - máy mài	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
163.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 BS EN 12390-3 ASTM C39/C39M ASTM C873/C873M ASTM C42 AASHTO T 22M/T22-22 AASHTO T140 AASHTO T24 AS 1012.9 - 2014	- Máy nén thủy lực - Thước đo - Cân kỹ thuật - Tủ dưỡng hộ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
164.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:2006 TCVN 10303:2014 ASTM C42/C42M-20	- Máy kéo nén - Thước cặp điện tử - Máy khoan.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
165.	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022 ASTM C293 AASHTO T97 AASHTO T177 EN 12390-5 JIS A 1106 JIS A 1114	- Máy nén thủy lực - Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
166.	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp không phá hủy sử dụng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012	- Súng bật nẩy - Đe thép chuẩn - Đá mài - Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
167.	Xác định cường độ kéo khi bửa của bê tông	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M AASHTO T198 BS EN 12390-6 JIS A1113	- Máy nén thủy lực - Thước đo - Gối truyền tải - Đệm gỗ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
168.	Xác định thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012 ASTM C403	- Máy đo lực xuyên - Khuôn đúc mẫu - Sàng - Cân kỹ thuật - Tủ dưỡng hộ - Bay, đũa khuấy - Dụng cụ hút nước	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
169.	Xác định hàm lượng ion Clo trong bê tông	TCVN 7572-15:2006 ASTM C1152 ASTM C1218	- Máy nén thủy lực - Cân kỹ thuật - Pipet, buret, bình định mức - Dụng cụ gia nhiệt và lọc - Hóa chất	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
170.	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012 ASTM C1064 AASHTO T309 JIS A1156	- Nhiệt kế - Vỏ bảo vệ nhiệt kế - xẻng, bay	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXI	**Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa, đá gốc**			
171.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006 TCVN 9205-2012	- Cân kỹ thuật - Bộ sàng tiêu chuẩn	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM C136 AASHTO T27 EN 933-1 JIS A1102	và sàng lưới - Tủ sấy	
172.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127 ASTM C128 AASHTO T84 AASHTO T85 EN 1097-6 EN 1097-7 JIS A1109 JIS A1110 JIS A1111	- Cân kỹ thuật, - Tủ sấy - Bình dung tích, bằng thuỷ tinh và có tấm nắp đậy bằng thuỷ tinh, đảm bảo kín khí;	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
173.	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 2006 ASTM C127 AASHTO T85 EN 1097-6 EN 1097-7	- Cân kỹ thuật và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
174.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6: 2006 ASTM C29 AASHTO T19 EN 1097-3 EN 1097-4 JIS A1104	- Thùng đong bằng kim loại, hình trụ - Cân kỹ thuật - Phễu chứa vật liệu; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006 - Tủ sấy - Thước lá kim loại; - Thanh gạt cốt liệu lớn.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
175.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006 ASTM C566 AASHTO T255 EN 1097-5 JIS A1125	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
176.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thùng rửa cốt liệu - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
177.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 2006	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh - Cân kỹ thuật - Bếp cách thủy; - Sàng - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
178.	Xác định độ nén dập trong và hệ số hoá	TCVN 7572-11:2006	- Máy nén - Xi lanh bằng thép,	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	mềm của cốt liệu lớn		có đáy rời - Cân kỹ thuật - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu.	
179.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	- Máy Los Angeles - Bi thép - Cân kỹ thuật - Bộ sàng - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
180.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật - Thước kẹp cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
181.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:06; - Kim sắt; - Búa con	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
182.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	- Cân phân tích - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn - Giấy nhám - Đũa thủy tinh	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXII	**Thử nghiệm phụ gia cho bê tông**			
183.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng, hàm lượng mất khi nung, chỉ số cường độ hoạt tính so với mẫu đối chứng	TCVN 8827:2011 TCVN 8825:2011 ASTM C311 ASTM C1240	- máy sấy, cân phân tích, thiết bị sàng ướt/khô. - Bình tỷ trọng - Máy trộn vữa - máy nén thủy lực - Tủ dưỡng hộ	Nguyễn Văn Tuấn Phan Đăng Dũng
XXIII	**Thử nghiệm phụ gia hóa học cho bê tông**			
184.	Xác định độ pH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước và ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ của bê tông, kiểm tra ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 8826:2024 ASTM C494 ASTM C1017M EN 480	- Máy đo pH - Tỷ trọng kế - Tủ sấy - Máy trộn bê tông - Bộ côn đo độ sụt - Máy đo thời gian ninh kết bê tông - máy nén thủy lực - Tủ dưỡng hộ	Nguyễn Văn Tuấn Phan Đăng Dũng
XXIV	**Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp bê tông và bê tông nặng**			
185.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, bay - Phễu đổ hỗn hợp - Thước lá	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
186.	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	- Bộ dụng cụ thí nghiệm Vebe	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
187.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993;	- Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại, - Bếp điện - Thùng nấu paraphin - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
188.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	-Cân kỹ thuật - Bộ sàng cát - Tủ sấy - Khay sấy, bay, xẻng để xúc hỗn hợp bê tông	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
189.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản - Cân phân tích - Búa con, cối chày đồng - Bình hút ẩm, - Tủ sấy - Sàng - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90^0.	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
190.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Cân kỹ thuật - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy - Khăn lau mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
191.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022 ASTM C642 - 21 BS EN 12390-7:2019	- Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại, - Bếp điện - Thùng nấu paraphin - tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
192.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	- Máy nén - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
193.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	- Máy thử uốn - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
194.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022	- Máy nén - Bộ gá ép chẻ mẫu bê tông hình trụ, - Gối truyền tải, đệm gỗ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
195.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022	- Bộ dụng cụ thử bọt khí của bê tông	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
196.	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	- Bộ dụng cụ thí nghiệm Vebe	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXV	**Thử nghiệm gạch bê tông**			
197.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước	TCVN 6477:2016 ASTM C140	- Thước cặp/Thước lá - Tủ sấy - Bể nước - Máy nén thuỷ lực - Đá mài - Cân kỹ thuật - Máy thử độ thấm	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
XXVI	**Thử nghiệm bê tông nhẹ, gạch bê tông khí chưng áp (AAC) và khí không chưng áp**			
198.	Xác định hình dáng, kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ hút nước	TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017	- Thước cặp/Thước lá - Máy nén thuỷ lực - Tủ sấy - Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXVII	**Thử nghiệm gạch xây, gạch đất sét nung**			
199.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	- Thước cặp/Thước lá - Thước vuông góc	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
200.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	- Máy nén thuỷ lực - Gối nén - Máy mài - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
201.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	- Máy kéo nén vạn năng - Bộ phận gá lắp - Thước cặp/Thước lá - Vữa xi măng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
202.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Khay chứa nước - Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
203.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
204.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	- Thùng đựng nước - Cân kỹ thuật - Quang treo/Giỏ lưới - Thước cặp/Thước lá - Nước sạch	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXVIII	**Thử nghiệm gạch gốm ốp lát**			
205.	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016 (ISO 10545-2)	- Thước cặp/Thước lá - Thước đo độ nghiêng - Thước đo phẳng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
206.	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016 (ISO 10545-3)	- Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Thiết bị hút chân không	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
207.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016 (ISO 10545-4)	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước lá	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
208.	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016 (ISO 10545-8)	- Máy đo giãn nở nhiệt - Lò nung - Cặp nhiệt điện - Thước cặp/Thước lá	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
209.	Xác định hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016 (ISO 10545-10)	- Thước cặp/Thước lá - Tủ sấy - Bình hút ẩm	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXIX	**Thử nghiệm Gạch terrazzo**			
210.	Xác định độ bền uốn, Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích	TCVN 7744:2013	- Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Máy kéo nén vạn năng - Bể ngâm mẫu, bình hút ẩm	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
XXX	**Thử nghiệm đá tự nhiên**			
211.	Xác định độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016 TCVN6415-4:2016(ISO 10545-4)	- Thước cặp/Thước lá - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - bình hút ẩm	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXXI	**Thử nghiệm bột bả tường**			
212.	Xác định độ mịn, xác định độ bền giữ nước, xác định cường độ bám dính, xác định độ cứng bề mặt, thời gian đông kết	TCVN 7239:2014	- Sàng - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thiết bị hút chân không - Phễu lọc, Giấy lọc - Máy trộn vữa - Vicat - Máy kéo nén vạn năng - Thiết bị đo độ cứng - Thước đo - Máy trộn mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXXII	**Cao su, Băng chặn nước PVC**			
213.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2007 ISO 2781	- Cân kỹ thuật - Bể chứa nước - Nhiệt kế - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
214.	Xác định độ cứng shore A	TCVN 1595-1:2013 ISO 7619-1	- Thiết bị đo độ cứng Shore A - Thước cặp/Thước lá	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
215.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509:2013 (ISO 37)	- Máy kéo nén vạn năng - Extensometer - Dao cắt rập - Thước cặp/Thước lá	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
216.	Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407: 2014	- Bình ngâm mẫu - Cân kỹ thuật - Tủ sấy - Thước cặp/Thước lá - Dung dịch hóa chất	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXXIII	**Thử nghiệm vải địa kỹ thuật**			
217.	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009 ASTM D5199	- Thiết bị đo độ dày - Bộ gia tải - Đồng hồ bấm giây	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
218.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009 ASTM D5261 ASTM D3776	- Cân kỹ thuật - Dụng cụ cắt mẫu - Thước cặp/Thước lá - Tủ sấy	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
219.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010 ASTM D4595	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp/Thước lá - Dụng cụ cắt mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
220.	Xác định lực kéo giật, độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011 ASTM D4632	- Máy kéo nén vạn năng - Thước đo, bút đánh dấu, kéo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
221.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011 ASTM D4533	- Máy kéo nén vạn năng - Thước đo - Dụng cụ cắt mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
222.	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011 ASTM D3786/D3786M	- Thiết bị thử áp lực bục - Dụng cụ cắt mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
223.	Xác định cường độ chịu kéo mối nối	TCVN 9138:2012 ASTM D4884 ISO 10321	- Máy kéo nén vạn năng - Dụng cụ cắt mẫu	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
224.	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256	- Máy kéo nén vạn năng - Thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
225.	Xác định khối lượng riêng nhựa rắn	ASTM D1505	- Cột tỷ trọng - Phao - Cân phân tích - Dung dịch chuẩn - Dao, kéo, máy cắt - Nhiệt kế - Thiết bị tạo Gradient	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
226.	Xác định chịu nén	ASTM D1621	- Máy kéo nén vạn năng - Thước kẹp	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
227.	Xác định cường độ kéo của lưới địa kỹ thuật	ASTM D6637/D6637M	- Máy kéo nén vạn năng - Dao cắt, thước đo	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXXIV	**Thí nghiệm vật liệu composit polyme**			
228.	Xác định đường kính danh định, thử kéo dọc trục, thử nén, thử uốn, xác định khối lượng riêng	TCVN 11109:2015 ISO 178 ASTM D3039 ISO 527-1 EN ISO 14125 ISO 1183-1	- Máy kéo nén vạn năng - Thước cặp, thước panme, thước lá - Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
XXXV	**Thử nghiệm ống nhựa PVC, HDPE và phụ kiện ống, tấm nhựa mica, ống cao su, nhựa dẻo**			
229.	Xác định kích thước hình học	TCVN 6145:2007	- Thước cặp, Thước dây - Panme - Thước đo góc - Thiết bị đo độ vuông góc/độ thẳng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
230.	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2004	- Máy kéo nén 100kN	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
231.	Thử nghiệm ở 110°C trong 60 phút	TCVN 8492:2011	- Tủ sấy - Nhiệt kế chuẩn - Khay/giá - Cân kỹ thuật - Thước cặp / panme - Máy kéo nén vạn năng - Đồng hồ bấm giờ	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
232.	Thử độ bền với áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007 (ISO 1167-1) TCVN 6149-2:2007 (ISO 1167-2) TCVN 6149-3:2009 (ISO 1167-3)	Đồng hồ đo áp	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
233.	Xác định độ kín của ống và phụ tùng nối ống đối với áp suất bên trong là 1,5 PFA + 5 bar	TCVN 10177:2013 (ISO 2531:2009)	Đồng hồ đo áp	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
234.	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011 TCVN 10769:2015 (ISO 7685)	- Máy kéo nén vạn năng - Loadcell - Đồng hồ so	Hà Quang Lương Nguyễn Văn Tuấn
235.	Xác định độ bền ngắn hạn ở nhiệt độ 20°C, 80°C, 90°C	TCVN 12306: 2018	- Tủ nhiệt	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
236.	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148 : 2007	- Tủ sấy - Thước đo chiều dài	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
237.	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7434-1: 2004 TCVN 7434-2: 2004 TCVN 4501:2014	- Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
238.	Xác định độ bền nén	TCVN 8699:2011	- Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân
239.	Khối lượng riêng	TCVN 4504:1988	- Cân kỹ thuật - Thước cặp / panme	Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Minh Quân

Công ty CP Khoa học Công nghệ và Kiểm định STEC cam kết chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ KIỂM ĐỊNH STEC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ KIỂM ĐỊNH STEC
STEC
M.S.D.N: 0111014784

GIÁM ĐỐC
Trần Xuân Thủy